



Ký bởi: UBND tỉnh Điện Biên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1936 /QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 27 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Định giá cụ thể nước sạch trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Giá ngày 19/6/2023;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Giá; Nghị định 128/2026/NĐ-CP, ngày 06/4/2026 của Chính phủ, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01/7/2024 của Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá;

Căn cứ Thông tư số 145/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn các nội dung đặc thù khi áp dụng phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá trong định giá nước sạch;

Căn cứ Thông báo số 1250/TB-BTC ngày 27/12/2024 của Bộ Tài chính Thông báo về khung giá nước sạch;

Căn cứ Quyết định số 109/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phân công thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá và thẩm định giá trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định 308/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 của UBND tỉnh Điện Biên về việc công bố danh mục đô thị, phường đạt mức quy định trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 4830/TTr-SXD ngày 22/8/2026 và Báo cáo thẩm định số 4829/BC-SXD ngày 22/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Định giá cụ thể nước sạch do Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên như sau:

1. Giá nước sạch đô thị¹

DVT: đồng/m³

STT	Nhóm khách hàng sử dụng nước sạch	Lượng nước sạch sử dụng/tháng		Hệ số điều chỉnh theo nhóm khách hàng	Giá cụ thể
		Mức (m ³ /đồng hồ/tháng)	Ký hiệu		
Nhóm 1	Hộ dân cư.	- Mức dưới 10 m ³ /đồng hồ/tháng.	SH1	0,73	10.400
		- Từ 10 m ³ - 20 m ³ /đồng hồ/tháng.	SH2	0,87	12.400
		- Từ trên 20 m ³ - 30 m ³ /đồng hồ/tháng.	SH3	1,11	15.800
		- Trên 30 m ³ /đồng hồ/tháng.	SH4	1,76	25.000
Nhóm 2	Cơ quan hành chính nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; trường học, bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận).	Theo thực tế sử dụng.	HCSN	1,20	17.000
Nhóm 3	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất.	Theo thực tế sử dụng.	SX	1,34	19.000
Nhóm 4	Tổ chức, cá nhân tiêu thụ nước sạch cho mục đích kinh doanh dịch vụ.	Theo thực tế sử dụng.	KD	2,25	32.000
Giá bán buôn				0,68	9.620

2. Giá nước sạch nông thôn²

¹ Khu vực đô thị gồm: Phường Điện Biên Phủ, phường Mường Thanh, phường Mường Lay; xã Mường Ảng, xã Tòa Chùa, xã Na Sang, xã Na Son, xã Tuần Giáo (theo Quyết định 308/QĐ-UBND, ngày 12/02/2026 của UBND tỉnh).

² Khu vực nông thôn gồm: Xã Mường Nhé; xã Nà Hỳ tỉnh Điện Biên.

STT	Nhóm khách hàng sử dụng nước sạch	Lượng nước sạch sử dụng/tháng		Hệ số điều chỉnh theo nhóm khách hàng	Giá cụ thể
		Mức (m ³ /đồng hồ/tháng)	Ký hiệu		
Nhóm 1	Hộ dân cư.	- Mức từ 1 m ³ ÷ 20 m ³ /đồng hồ/tháng.	SH1	0,72	10.200
		- Trên 20 m ³ /đồng hồ/tháng.	SH2	0,87	12.400
Nhóm 2	Cơ quan hành chính nhà nước; đơn vị sự nghiệp công lập; trường học, bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận).	Theo thực tế sử dụng.	HCSN	0,88	12.500
Nhóm 3	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất.	Theo thực tế sử dụng.	SX	1,06	15.000
Nhóm 4	Tổ chức, cá nhân tiêu thụ nước sạch cho mục đích kinh doanh dịch vụ.	Theo thực tế sử dụng.	KD	2,21	31.400
Giá bán buôn				0,68	9.620

3. Giá bán nước sạch cụ thể quy định tại khoản 1,2 Điều này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

4. Đối với hộ nghèo và gia đình chính sách theo quy định của pháp luật, mức thu tiền nước bằng 70% đơn giá nước sạch sinh hoạt tương ứng áp dụng đối với hộ dân cư tại khu vực cung cấp nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên có trách nhiệm:

Căn cứ mức giá nước sạch do Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên cung cấp đã được UBND tỉnh phê duyệt, Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên có trách nhiệm thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để khách hàng là các tổ chức, cá nhân sử dụng nước được biết và tổ chức triển khai thực hiện theo quy định hiện hành.

Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, trung thực, hợp lý, hợp lệ của hồ sơ, tài liệu và số liệu cung cấp làm cơ sở thẩm định phương án giá.

2. Giao Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/9/2026 và thay thế Quyết định số 2415/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh.

Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường; Công ty cổ phần cấp nước Điện Biên và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Tỉnh ủy (b/c)
- TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Phú